TAND HUYỆN TÂN UYÊN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20/4/2021
V/v: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không ĐKKH

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Thanh**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cần và bà Hà Thị Thơm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Giang Tiến Hiệp - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Uyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Kiến Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 20/4/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 28/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2021, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Tòng Văn P, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2021, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Chị và anh Tòng Văn P tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, được hai bên gia đình công nhận nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ khi về chung sống với nhau chị và anh P hạnh phúc nhưng đến năm 2013 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh P không quan tâm đến vợ con và vì sống chung với bố mẹ chồng nên quan hệ gia đình không được hòa hợp nên thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Đầu năm 2014 chị đi làm công nhân tại Chí Linh, Hải Dương và sống ly thân với anh P từ thời gian đó cho đến nay. Hiện tình cảm

giữa chị và anh P không còn, không ai còn quan tâm đến ai, mỗi người một cuộc sống riêng nên chị xin được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung: Tòng Thị Thu H, sinh ngày 27/12/2008. Hiện con chung đang ở cùng với anh P. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu H cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không yêu cầu chị anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Lò Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai bị đơn anh Tòng Văn P trình bày: Về tình trạng hôn nhân giữa anh và chị T đúng như chị T đã trình bày. Anh và chị về chung sống với nhau từ năm 2006, không có đăng ký kết hôn, trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Năm 2014 chị T quyết định đi làm ăn xa, không còn quan tâm đến anh, sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị T xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung đúng như chị T đã trình bày. Sau ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu Tòng Thị Thu H, sinh ngày 27/12/2008 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, vì hiện nay cháu H đang ở với anh từ khi chị T đi làm ăn xa. Anh P không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Tòng Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản ghi lời khai ngày 02 tháng 02 năm 2021 của cháu Tòng Thị Thu H thể hiện: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố vì cháu ở với bố đã lâu.

Tại phiên hòa giải ngày 11/3/2021, chị Lò Thị T và anh Tòng Văn P thỏa thuận được anh Tòng Văn P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Thị Thu H, sinh ngày 27/12/2008 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Lò Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 54, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố nguyên đơn Lò Thị T và bị đơn Tòng Văn P không phải là vợ chồng. Về con chung: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, anh Tòng Văn P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Thị Thu H, sinh ngày 27/12/2008 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao

động. Chị Lò Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết và nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn Tòng Văn P cư trú tại Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

Trước thời điểm mở phiên tòa, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Tòng Văn P về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn, do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Tòng Văn P là hôn nhân không hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau, chị T và anh P chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã ly thân từ năm 2014. Nay chị Lò Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T có quyền đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tòng Văn P. Quá trình giải quyết vụ án, xác định được mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh P đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Tòng Văn P.

[3] Việc nuôi con: Chị T và anh P có 01 con chung: Tòng Thị Thu H, sinh ngày 27/12/2008. Cháu H đã trên 07 tuổi và nguyện vọng của cháu là được ở cùng với bố, do vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận nguyện vọng của cháu. Hơn nữa, tại phiên hòa giải ngày 11/3/2021 chị Lò Thị T và anh Tòng Văn P thỏa thuận được anh Tòng Văn P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Thị Thu H, sinh ngày 27/12/2008 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Lò Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[4] Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Lò Thị T thuộc trường hợp miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 54, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Tòng Văn P.

3. Việc nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: anh Tòng Văn P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Thị Thu H, sinh ngày 27/12/2008 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Lò Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Lò Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Về chia tài sản: tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Lò Thị T, trả lại cho chị Lò Thị T số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn)* tạm ứng án phí mà chị Lò Thị T đã nộp theo biên lai số 0000934 ngày 19/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Tuyết Thanh